

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 12/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		T.UNG	7:25	18	0		14	0	
2		AMD+TD2+CNV	7:25	19+2+1	0+0+0		15+5+1	0+0+0	
3		PVD6+RP3+RC5	7:25	18+4+0	0+0+0		18+0+4	0+0+0	
4		JS2+R4+ 0 MA	7:25	22+0	0+0		8+1 0	0+0	
5		CTK3	9:25	22	0		22	0	
6		P7+PPD	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		PVD6+CLO+PPD	9:25	10+9+3	0+0+0		7+7+8	0+0+0	
8		BK16+CTK3	11:25	5+16	0+0		5+16	0+0	kiểm tra sbay BK16
9		PPD+BK8	11:25	12+10	0+0		12+10	0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
CTK3- 3 người sbay đi chuyến 1 về chuyến 2 trong ngày



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2019	TO: BK16 - CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:30
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - MQUÂN	ETA: 13:10
XANH-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VŨ VĂN TIỀN	BK16	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẠO KIM CUƠNG	BK16	53	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM TỰ ANH	BK16	51	1	7	70	66	KH-THAC	Vietnamese
4	LƯU ĐỨC TUÂN	BK16					82	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN XUÂN HOA	BK16	58	1	10		68	PSV	Vietnamese
6	TSVETKOV	CTK3	60	1	5		100	KH-THAC	Russian
7	TRẦN QUỐC KHIÊM	CTK3					90	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ CẢNH HÙNG	CTK3	65	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI SỸ LONG	CTK3	66	1	10		77	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH HAI	CTK3	63	1	4		56	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ HỮU HÀ	CTK3	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN MẠNH HÙNG	CTK3	70	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐỖ VĂN BÌNH	CTK3					77	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐỖ HỮU ĐỨC	CTK3	62	1	4		85	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN MUỘI	CTK3	71	1	6		76	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUYẾT THẮNG	CTK3	59	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN BẠC	CTK3	64	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
18	PANKRATOV	CTK3	72	1	12		102	ANTOAN	Russian
19	NGUYỄN MẠNH KHOAN	CTK3	68-69	2	12		55	NIPI	Vietnamese
20	LÊ VĂN TỰ	CTK3	67	1	7		55	NIPI	Vietnamese
21	PHẠM HUY ĐÌNH	CTK3	57-58	2	17		59	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK16	5	4	27	341	70	5		
2	CTK3	16	16	101	1.161	0	16		
TOTAL		21	20	128	1.502	70	21		
WEIGHT KG				128	1.502	70			

GRAND TOAL: 1.700 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2019	TO: BK THIEN UNG	AIRCRAFT: 622	ETD: 07:25
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: HHai - Phuong	ETA: 10:40
NAU-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÔ TUẤN MẠNH	BK THIE	34	1	2		68	PVD	Vietnamese
2	HUYNH HIẾU NGHĨA	BK THIE	19	1	7		77	PVD	Vietnamese
3	NGUYỄN DUY TUẤN	BK THIE	30	1	5	110	82	PVD	Vietnamese
4	PHẠM VĂN THỊ	BK THIE	18	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN QUANG HOÀ	BK THIE	20	1	4		75	KH-THAC	Vietnamese
6	KIỆU XUÂN TÂM	BK THIE	33	1	2		77	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐẠO DUY TỬ	BK THIE	36-37	2	12		59	KH-THAC	Vietnamese
8	ĐẶNG VĂN TRỌNG	BK THIE	21	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN THANH HẢI	BK THIE	28-29	2	7		80	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ XUÂN THÀNH	BK THIE					76	KH-THAC	Vietnamese
11	PHÙNG NGỌC VIỆT	BK THIE	24	1	8		63	ANTOAN	Vietnamese
12	KHUÔNG THANH DƯƠNG	BK THIE	22	1	11		63	ANTOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN HUY HOÀNG	BK THIE	26-27	2	10		70	ANTOAN	Vietnamese
14	ĐỖ MINH HỘI	BK THIE	35	1	2		71	PSV	Vietnamese
15	ĐỖ ĐẶNG THANH	BK THIE	25	1	2		63	PSV	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN QUANG	BK THIE					66	PSV	Vietnamese
17	PHẠM HÙNG SƠN	BK THIE	31-32	2	14		55	PSV	Vietnamese
18	HÀ VĂN THIỀU	BK THIE	17	1	3		60	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

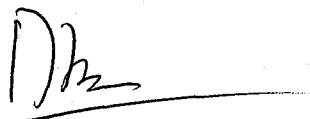
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK THIEN UNG	18	20	94	1.247	110	14		
	TOTAL	18	20	94	1.247	110	14		
	WEIGHT KG			94	1.247	110			

GRAND TOAL: 1.451 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2019	TO: AMD - TD2 - CNV	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 2	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - MQUÂN	ETA: 09:10
XANH-1			

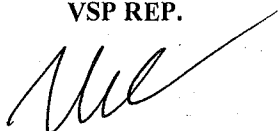
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ZAINAL MUCHTADIN	AMD	95	1	10		66	BAB	Indian
2	NGUYEN VO BA LINH	AMD	93-94	2	14		70	HLJOC	Vietnamese
3	TRAN DUC QUAN	AMD	91	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
4	LE THANH HAI	AMD	62	1	7		92	KH-THAC	Vietnamese
5	HOANG VAN THE	AMD	58-59	2	10	28	65	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN XUAN THIN	AMD	61	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM NGOC TUAN	AMD	64	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN VIET	AMD	84	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN VAN NGHIEM	AMD	92	1	7		62	KH-THAC	Vietnamese
10	TANG XUAN HAI (PVDI)	AMD	96	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN VAN HIEU	AMD	60	1	3		78	KH-THAC	Vietnamese
12	PHAM THANH HUNG	AMD	85-86	2	17		56	KH-THAC	Vietnamese
13	LE THANH TUNG	AMD	87	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DOAN QUOC VIET	AMD	97-98	2	11		70	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VIET BINH	AMD	999,600	2	13		60	KH-THAC	Vietnamese
16	LE TIEN DUNG	AMD	62-63	2	10		78	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN VAN LUONG	AMD	89	1	11		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN VAN TRAI	AMD	88	1	12		59	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN TAN VUONG	AMD	90	1	6		67	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN TUAN ANH	TD2	82-83	2	16	30	60	DVL	Vietnamese
21	NGUYEN DUNG	TD2	91	1	15		55	DVL	Vietnamese
22	DO QUOC TUNG	CNV	32	1	8		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	AMD	19	25	153	1.295	28	15		
2	TD2	2	3	31	115	30	5		
3	CNV	1	1	8	80	0	1		
TOTAL		22	29	192	1.490	58	21		
WEIGHT KG				192	1.490	58			

GRAND TOAL: 1.740 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2019	TO: PVD6 - RP3 - RC5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - N Nam	ETA: 09:15
VANG-1			

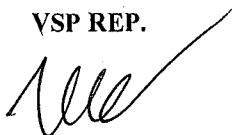
No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	BUI TRỌNG TOÀN	PVD6	23-24	2	14		75	KHOAN	Vietnamese
2	MCEWAN ROGER WILLIAM	PVD6	13	1	10		105	KHOAN	New Zealand
3	NGUYEN MINH QUANG	PVD6	22	1	7		60	KHOAN	Vietnamese
4	CHU VAN KHOA	PVD6	12	1	9		66	KHOAN	Vietnamese
5	NGUYEN DUY HUNG	PVD6	25	1	5		55	KHOAN	Vietnamese
6	VU HOANG CUNG	PVD6	14	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
7	DINH XUAN THIEM	PVD6	21	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
8	VU DINH VINH	PVD6	16	1	10		69	KHOAN	Vietnamese
9	MAI VAN LUAN	PVD6	17	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN DUY PHUC	PVD6	26	1	12		67	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN MANH TUAN	PVD6	27	1	9		56	KHOAN	Vietnamese
12	NGUYEN TIEN QUAN	PVD6	28	1	6		65	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYEN TRUNG CUONG	PVD6	30	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
14	TRAN VAN HUY	PVD6	15	1	6		89	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN BA THOI	PVD6	20	1	5		74	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TAO	PVD6	29	1	5		65	KHOAN	Vietnamese
17	DOAN MINH TIEN	PVD6	18-19	2	16		79	KHOAN	Vietnamese
18	DO VAN HUY	PVD6	10-11	2	18		65	KHOAN	Vietnamese
19	VU VAN TINH	RP3	91	1	6	30	72	CODIEN	Vietnamese
20	PHAM VAN HUU	RP3	92-93	2	20		63	CODIEN	Vietnamese
21	ĐANG KIM THANH	RP3	90	1	5		62	CODIEN	Vietnamese
22	TRINH HOAI ĐỨC	RP3	94	1	15		65	CODIEN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

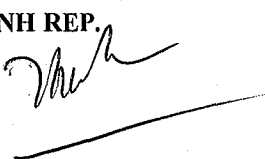
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	18	21	163	1.262	0	18		
2	RP3	4	5	46	262	30	0		
3	RC5	0	0	0	0	40	4		
TOTAL		22	26	209	1.524	70	22		
WEIGHT KG				209	1.524	70			

GRAND TOAL: 1.803 KGS

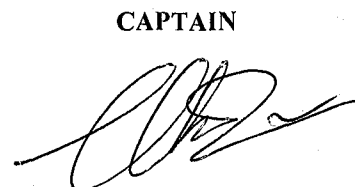
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2019	TO: JS2 - RCDM	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:40
FLIGHT: 4	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Vũ	ETA: 09:20
TRANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN QUANG CƯỜNG	JS2	35	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
2	EREMEEV.E	JS2	30	1	12		96	KHOAN	Russian
3	NGUYỄN TU ĐỘ	JS2	34	1	13		65	KHOAN	Vietnamese
4	NGUYỄN CÔNG TÂM	JS2	31	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
5	BELIAEV	JS2	29	1	10		86	KHOAN	Russian
6	NGUYỄN TIẾN DŨNG	JS2	27	1	10		96	KHOAN	Vietnamese
7	DANG ĐỨC HÀ	JS2	25	1	12		75	KHOAN	Vietnamese
8	ĐỖ TIẾN DŨNG	JS2	44	1	5		59	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG LONG	JS2	45	1	10		63	KHOAN	Vietnamese
10	NGÔ THANH SƠN	JS2	49-50	2	16	141	65	KHOAN	Vietnamese
11	VŨ NGỌC TIẾN	JS2	42	1	6		72	KHOAN	Vietnamese
12	TRẦN ĐẠI HÙNG	JS2	43	1	9		70	KHOAN	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN MẠNH	JS2	26	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRƯƠNG ĐÌNH VĨNH	JS2	46	1	10		78	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN CHI LINH	JS2	32	1	6		82	KHOAN	Vietnamese
16	TRƯƠNG MINH KHÁNH	JS2	40	1	12		70	KHOAN	Vietnamese
17	NHÂM ĐỨC TUẤN	JS2	38-39	2	10		60	KHOAN	Vietnamese
18	TRẦN XUÂN THỊ	JS2	33	1	8		58	KHOAN	Vietnamese
19	TRẦN TUẤN NGHĨA	JS2	28	1	5		62	KHOAN	Vietnamese
20	HUYNH VĂN TRUNG	JS2	41	1	15		93	KHOAN	Vietnamese
21	PHẠM VĂN THU	JS2	37	1	12		62	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN NAM	JS2	36	1	12		78	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	24	213	1.601	141	8		
2	RCDM	0	0	0	0	0	10		
TOTAL		22	24	213	1.601	141	18		
WEIGHT KG				213	1.601	141			

GRAND TOAL: 1.955 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 12/03/2019	TO: CTK3	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:30
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - MTuấn - MQUÂN	ETA: 11:10
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEM DUY TUYEN	CTK3					72	SBAY	Vietnamese
2	VU VAN HOAN	CTK3					75	SBAY	Vietnamese
3	TRUONG THI KIM LIEN	CTK3					55	SBAY	Vietnamese
4	DUONG PHAT	CTK3	41	1	14		75	KH-THAC	Vietnamese
5	BOGDANOV	CTK3	42	1	5		80	KH-THAC	Russian
6	TRINH QUOC HUY	CTK3	46	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYEN HIEN	CTK3	49	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYEN VAN SAU	CTK3	44	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYEN DUY HA	CTK3	43	1	10	15	71	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYEN DINH QUYET	CTK3	34	1	5	80	70	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAM VAN DU	CTK3	38	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN TRONG LINH	CTK3	35	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
13	BUI HUU HUAN	CTK3	36	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
14	DINH NHO HOANG	CTK3	54	1	7		78	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN BA HUE	CTK3	37	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH CHUNG	CTK3	39	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN XUAN HE	CTK3	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYEN TRAN DUC MINH	CTK3	* 45	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐAM VAN THANH	CTK3	55	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN MINH KHOI	CTK3	48	1	6		72	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN SON HA	CTK3	47	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	21	18	112	1.454	95	22		
	TOTAL	21	18	112	1.454	95	22		
	WEIGHT KG			112	1.454	95			

GRAND TOAL: 1.661 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2019	TO: P7 - PPD	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 6	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - CHIẾN - N Nam	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN VAN ĐỨC	P7	13	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
2	VU MINH ĐỨC	P7	14	1	14		96	KH-THAC	Vietnamese
3	HOANG TUAN HAI	P7	15	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
4	PHAM TRUNG HIEU	P7	16	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
5	VU MINH PHƯƠNG	PPD	73	1	4	35	70	D-HANH	Vietnamese
6	NGUYEN HOAI VU	PPD	68	1	5		65	D-HANH	Vietnamese
7	KRAPIVKA	PPD	79	1	3		89	KH-THAC	Russian
8	TAN CHEE SENG	PPD	84-85	2	20		70	CODIEN	Malaysian
9	LUONG TUAN CHUNG	PPD	69	1	5		66	KHI	Vietnamese
10	LE NGOC SON	PPD	73	1	4		71	KH-THAC	Vietnamese
11	PHUNG PHU SUA	PPD	71	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO MANH HUNG	PPD	70	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
13	VU CHI KIEN	PPD					75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐINH VAN HAI	PPD	78	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
15	BUI NGOC DUNG	PPD	81	1	7		58	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN VAN GIANG	PPD					56	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG NGOC TRUONG	PPD					77	KH-THAC	Vietnamese
18	TRINH DUY NAM	PPD	75-76	2	5		75	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN VAN TAN	PPD	80	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
20	PHAM NGOC ANH	PPD	72	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRUONG GIANG	PPD					62	KH-THAC	Vietnamese
22	LUONG VAN TANG	PPD	77	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	4	4	45	327	0	0		
2	PPD	18	16	79	1.237	35	22		
TOTAL		22	20	124	1.564	35	22		
WEIGHT KG				124	1.564	35			

GRAND TOAL: 1.723 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2019	TO: PVD6 - CLO - PPD	AIRCRAFT: 426	ETD: 09:40
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: Khang - MTHAO - Vũ	ETA: 11:20
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAM NHU ANH	PVD6	36	1	6		48	KHOAN	Vietnamese
2	NEO KIAN MENG	PVD6	31	1	5		79	KHOAN	Singapore
3	LEONG WAI LUN	PVD6	34-35	2	14		75	KHOAN	Malaysian
4	VU HUY TOA	PVD6	41	1	17		69	KHOAN	Vietnamese
5	TRAN KHAC HOP	PVD6	37	1	13	22	70	KHOAN	Vietnamese
6	HAN DAI HAO	PVD6	42	1	13		63	KHOAN	Vietnamese
7	TRAN VAN THU	PVD6	43	1	14		52	KHOAN	Vietnamese
8	TA MINH UY	PVD6	38	1	13		53	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN XUAN NGOC	PVD6	40	1	8		69	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN TRUONG SINH	PVD6	39	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
11	DEMIN IU.A	CLO	59	1	10		102	KHOAN	Russian
12	KURPASOV	CLO					66	KH-THAC	Russian
13	NGUYEN HUU TAN	CLO	65	1	9	65	73	KH-THAC	Vietnamese
14	VU TRUNG KIEN	CLO	64	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
15	PHAM VAN TUYEN	CLO					67	KH-THAC	Vietnamese
16	VU VAN NAM	CLO	62	1	12		63	DVL	Vietnamese
17	MESHKOV M.Y	CLO	60	1	15		80	DVL	Russian
18	PHAN VINH TRUONG	CLO	700	1	13		67	DVL	Vietnamese
19	NGO TRUNG LUYEN	CLO	63	1	5		70	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN MANH THANG	PPD	75	1	3		58	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TRONG CUONG	PPD	77	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
22	TRUONG TRI DUNG	PPD	76	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD6	10	11	111	650	22	7		
2	CLO	9	7	69	660	65	7		
3	PPD	3	3	13	177	0	8		
TOTAL		22	21	193	1.487	87	22		
WEIGHT KG				193	1.487	87			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 12/03/2019	TO: PPD - BK8	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - XHOÀN - Năm	ETA: 13:15
CAM-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN MẠNH CHIẾN	PPD	84	1	3		60	KH-THAC	Vietnamese
2	PHAN HOAI BAO	PPD	83	1	3		79	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN HÀ	PPD	82	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM LÊ DUƠNG	PPD	85	1	2		80	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN QUANG VINH	PPD	79	1	6	40	92	KH-THAC	Vietnamese
6	VÔ NGỌC THAI SƠN	PPD	87-88	2	13		63	CODIEN	Vietnamese
7	VŨ NGỌC CĂN	PPD	89-90	2	13		75	CODIEN	Vietnamese
8	KOSOLAPOV	PPD	86	1	5		118	NIPI	Russian
9	CHAU NHẬT BĂNG	PPD	80	1	5		66	NIPI	Vietnamese
10	KYREEV	PPD	78	1	5		91	NIPI	Russian
11	NGUYỄN THANH THĂNG	PPD	81	1	5		70	TRUONGVI	Vietnamese
12	LÊ NGỌC TUẤN	BK8	19	1	7		67	XAYLAP	Vietnamese
13	LÊ VĂN HOA	BK8	14	1	12	40	70	XAYLAP	Vietnamese
14	HOANG XUÂN HUY	BK8	24-25	2	15		65	XAYLAP	Vietnamese
15	TRẦN HỮU SƠN	BK8	12-13	2	13		57	XAYLAP	Vietnamese
16	HOANG VĂN THĂNG	BK8	20-21	2	19		60	XAYLAP	Vietnamese
17	HOANG ĐÌNH VINH	BK8	09-10	2	9		66	XAYLAP	Vietnamese
18	BUI NGỌC HOANG	BK8	15-16	2	17		62	XAYLAP	Vietnamese
19	VŨ MẠNH THĂNG	BK8	17-18	2	18		60	XAYLAP	Vietnamese
20	HOANG ANH THÂN	BK8	22-23	2	20		74	XAYLAP	Vietnamese
21	PHAN ĐÌNH TUẤN	BK8	11	1	5		57	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PPD	11	13	66	859	40	12		
2	BK8	10	17	135	638	40	10		
TOTAL		21	30	201	1.497	80	22		
WEIGHT KG				201	1.497	80			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

LD VIETSOVPETRO
TRƯỜNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 14/03/2019

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTK3+PVD6+TD1	7:25	3+6+9	0+0+0		1+3+10	0+0+0	
2		BK8+P1+P8	7:25	8+14+0	0+0+0		6+14+1	0+0+0	
3		P2+BK6	7:25	18+4	0+0		17+4	0+0	CHUYỂN 1 P2-BK6
4		BK5+P2+P4	7:25	5+10+7	0+0+0		4+9+9	0+0+0	
5		JS2	9:25	22	0		21	0	
6		P10+P4	9:25	4+18	0+0		0+22	0+0	
7		HSD+AMD+TGT5	9:25	4+17+1	0+0+0		3+17+2	0+0+0	
8		P7+TTC3	9:25	22+0	0+0		20+1	0+0	
9		P3+P6+PPD	11:25	13+4+5	0+0+0		7+4+11	0+0+0	
10		RP3+TD5+P4	11:25	9+8+5	0+0+0		0+5+17	0+0+0	
11		RP2+P1	11:25	7+14	0+0		6+14	0+0	CHUYỂN 1 RP2-P1
12		P3+AMD	11:25	15+7	0+0		9+10	0+0	
13		P5+BK5+BK8	13:25	19+0+0	0+0+0		13+1+2	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
I/ĐI VỀ TRONG NGÀY : BK5-ING; BK8-2NG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: CTK3 - PVD6 - TD1	AIRCRAFT: 406	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	FROM: VT	CREW: TUYẾN - Hạnh - N.Nam	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN TRI TIN	CTK3	43	1	10		80	SAN BAY	Vietnamese
2	LÊ BA HOA	CTK3	88	1	15		76	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU LONG	CTK3	87	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese
4	PHẠM THẾ QUANG	PVD6	46	1	8		68	KHOAN	Vietnamese
5	LẠI ANH TUẤN	PVD6	44-45	2	14		100	KHOAN	Vietnamese
6	PHAN QUANG VŨ	PVD6	51	1	15		77	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ ĐỨC SANG	PVD6	50	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
8	VŨ TRỌNG NHÌEN	PVD6	48-49	2	9		50	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN LÊ ĐĂNG QUANG	PVD6	47	1	14		85	KHOAN	Vietnamese
10	TRẦN ĐẠI DƯƠNG	TD1	800	1	5	40	76	KHOAN	Vietnamese
11	BUI TRẦN NAM	TD1	40-41	2	20		64	KHOAN	Vietnamese
12	VŨ NGỌC TŨ	TD1	52	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
13	TRẦN QUỐC ĐẠI	TD1	50-51	2	16		84	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN THANH TRUNG	TD1	47	1	12	35	72	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TÂN PHONG	TD1	45-46	2	10		59	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN QUỐC TRI	TD1	44	1	9		70	KH-THAC	Vietnamese
17	VŨ ANH TUẤN	TD1	43	1	8		71	KH-THAC	Vietnamese
18	YANCHENKO	TD1	42	1	10		80	ANTOAN	Russian

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTK3	3	3	35	227	0	1		
2	PVD6	6	8	70	451	0	3		
3	TD1	9	12	99	646	75	11		
TOTAL		18	23	204	1.324	75	15		
WEIGHT KG				204	1.324	75			

GRAND TOAL: 1.603 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: BK8 - P1 - P8	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 09:15
cam-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN QUANG THANG	BK8					80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN TIEN THANG	BK8					60	NIPI	Vietnamese
3	NGUYEN TAT HOA	BK8					75	KH-THAC	Vietnamese
4	TRAN VAN THUAN	BK8	32	1	5	60	70	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC TAN	BK8	30	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG QUANG THUONG	BK8	31	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
7	DONG XUAN CHIEN	BK8	28-29	2	10		60	PSV	Vietnamese
8	NGUYEN MINH GIAU	BK8	33	1	5		60	PSV	Vietnamese
9	LE HUY TAN	P1	09-10	2	12		65	YTE	Vietnamese
10	VU VAN MANH	P1					80	KH-THAC	Vietnamese
11	VU XUAN QUY	P1	06	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
12	TRAN XUAN LANH	P1	04	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
13	DINH VAN THANG	P1	12	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN THANG	P1	03	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
15	LE MINH HIEU	P1	11	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
16	VI KHAC THANH	P1	02	1	5	20	60	KH-THAC	Vietnamese
17	LUU VAN TUAN	P1	07	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
18	HO HUU CHUNG	P1	08	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
19	TRAN QUANG PHUOC	P1	13-14	2	12		70	KH-THAC	Vietnamese
20	TRAN SI DU	P1					70	KH-THAC	Vietnamese
21	VU DUY KHANH	P1	01	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN KHANH DUY	P1	05	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

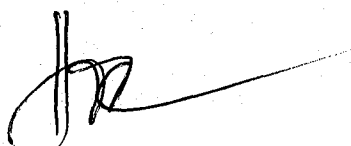
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK8	8	6	30	525	60	6		
2	P1	14	14	74	939	20	14		
3	P8	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	20	104	1.464	80	21		
WEIGHT KG				104	1.464	80			

GRAND TOAL: 1.648. KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: P2 - BK6	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:40
FLIGHT: 3	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN HOANG ĐÀN	P2	66	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
2	KHOKHLOV A.	P2	62	1	8		95	KH-THAC	Russian
3	NGUYEN SON TRUONG	P2					63	KH-THAC	Vietnamese
4	DUONG DUC HIEU	P2	80	1	7		66	KH-THAC	Vietnamese
5	VU VIET THANH	P2	78-79	2	12		69	KH-THAC	Vietnamese
6	TRINH BA DONG	P2	63	1	6		69	KH-THAC	Vietnamese
7	PHAM QUOC HIEN	P2	72	1	3		68	KH-THAC	Vietnamese
8	HOANG MINH DUC	P2	64	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
9	TRAC DUC HUY	P2	68	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAM NGUYEN HOANG PHUC	P2	75-76	2	8		77	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYEN NAM SINH	P2	65	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
12	LUU VAN TU	P2	73	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
13	LE VAN DONG	P2	70	1	3		75	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYEN PHU HUU	P2	71	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
15	VU VAN NAM	P2	67	1	5	30	62	KH-THAC	Vietnamese
16	LE THANH HAI	P2	77	1	6		67	KH-THAC	Vietnamese
17	HA VAN TRUNG	P2	69	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
18	K LING	P2	74	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	DAO DUC HUNG	BK6				50	62	KH-THAC	Vietnamese
20	VU VAN HIEU	BK6	24	1	3		56	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYEN TIEN HUNG	BK6	22-23	2	15		68	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYEN VAN PHE	BK6	21	1	6		67	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P2	18	19	99	1.262	30	17	1	CHUYEN 01 PAX TU P2 SANG BK6
2	BK6	4	4	24	253	50	4		
TOTAL		22	23	123	1.515	80	21		
WEIGHT KG				123	1.515	80			

GRAND TOAL: 1.718 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: BK5 - P2 - P4	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:50
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Văn - CHIẾN - DTùng	ETA: 09:30
TRANG-1 A			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	ĐỖ HIỆP PHÚ	BK5	23	1	2		52	ANTOAN	Vietnamese
2	LÊ NGỌC AN	BK5	24	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN QUỐC HOÀN	BK5	21-22	2	11	35	60	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐOÀN NGUYỄN BAO CHAU	BK5	25	1	6		64	KH-THAC	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐỨC QUANG	BK5	43	1	7		100	PSV	Vietnamese
6	BUI THỌ DỪNG	P2					72	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN KHẮC LAM	P2	69	1	3		70	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN HỮU HẠ	P2	99	1	10		55	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ VĂN THOÀ	P2	98,600	2	14		75	CO DIEN	Vietnamese
10	VŨ NGỌC DŨNG	P2	99	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ ĐÌNH HUÂN	P2	98	1	2		56	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUANG HUNG	P2	1000	1	6		66	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM TU ANH	P2	74	1	7		67	CODIEN	Vietnamese
14	ĐÀO VĂN LONG	P2	66-67	2	10		65	DVL	Vietnamese
15	TRẦN VĂN CHUÔNG	P4	46	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
16	VŨ MẠNH HÀ	P4	48	1	7		71	KH-THAC	Vietnamese
17	HOANG MINH TÂN	P4	42	1	10	12	80	YTE	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN PHÔNG	P4					78	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ QUANG THẮNG	P4	41	1	6	40	50	KH-THAC	Vietnamese
20	LƯƠNG ANH TUÂN	P4	44	1	7		60	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN DUY THAI	P4	47	1	7		72	KH-THAC	Vietnamese
22	VŨ BẢO AN	P4	45	1	8		74	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	5	6	31	350	35	4		
2	P2	9	10	59	596	0	9		
3	P4	8	7	50	535	52	9		
TOTAL		22	23	140	1.481	87	22		
WEIGHT KG				140	1.481	87			

GRAND TOAL: 1.708 KGS

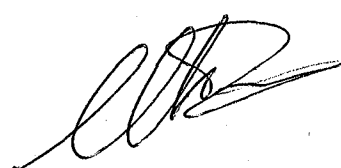
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: JS2	AIRCRAFT: 406	ETD: 09:40
FLIGHT: 5	FROM: VT	CREW: TUYỀN - Hạnh - N.Nam	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HỒ XUÂN TUYỀN	JS2	99	1	10		71	KHOAN	Vietnamese
2	MICHAEL PATRICK	JS2	82	1	15		84	KHOAN	Indian
3	AULIA LUTHFIANSYAH	JS2	78	1	10		80	KHOAN	Indonesian
4	LE MINH LOI	JS2	97	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
5	TO CONG TANH	JS2	86	1	3		71	KHOAN	Vietnamese
6	LE KHAC BAO	JS2	81	1	3		60	KHOAN	Vietnamese
7	VU DINH HUNG	JS2	80	1	10		84	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYEN QUANG HA	JS2	92	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYEN DUC CONG	JS2	93	1	8		74	KHOAN	Vietnamese
10	NGUYEN VAN PHUONG	JS2	85	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
11	NGUYEN DUC MANG	JS2	98	1	15		75	KHOAN	Vietnamese
12	LE THANH NGOC	JS2	87	1	5		47	KHOAN	Vietnamese
13	DINH HUY HOANG	JS2	95	1	10		56	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYEN THAI LAM	JS2	88	1	10		72	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYEN NGOC HAI	JS2	77	1	5		75	KHOAN	Vietnamese
16	NGUYEN XUAN TUAN	JS2	94	1	8		72	KHOAN	Vietnamese
17	HOANG VAN BON	JS2	76	1	5		60	KHOAN	Vietnamese
18	DO NGOC TU	JS2	79	1	4		79	KHOAN	Vietnamese
19	PHAN HOAI NIEM	JS2	96	1	10	35	75	KHOAN	Vietnamese
20	HUA QUANG TAM	JS2	89	1	9		65	KHOAN	Vietnamese
21	TRAN BA KHANH	JS2	84	1	14		70	KHOAN	Vietnamese
22	NGUYEN DUC LAM	JS2	83	1	5		64	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	JS2	22	22	171	1.550	35	22		
TOTAL		22	22	171	1.550	35	22		
WEIGHT KG				171	1.550	35			

GRAND TOAL: 1.756 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: P10 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:45
FLIGHT:	FROM: VT	CREW: Phong - DUONG - Trường	ETA: 11:25
CAM-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN BAO TOAN	P10	54	1	6		78	KH-THAC	Vietnamese
2	VU ĐỨC CHÍNH	P10	53	1	5	50	60	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN HUU VAN	P10	91	1	5		80	KH-THAC	Vietnamese
4	POSPELOV	P10	90	1	10		95	NIPI	Russian
5	NGUYEN HOANG VINH	P4	66	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
6	LUONG HUU HAU	P4	52	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THAI SON	P4	67	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	PHẠM VĂN HOANG	P4	64	1	5	90	80	KH-THAC	Vietnamese
9	BUI MINH TUAN	P4	60	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
10	VU THANG	P4	63	1	5		90	KH-THAC	Vietnamese
11	PHAN NGOC TUAN	P4	59	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYEN VĂN KHANH	P4	58	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
13	PHẠM KHẮC ĐOÀN	P4					66	KH-THAC	Vietnamese
14	LÊ VĂN KHOAI	P4	56	1	5		56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYEN VĂN SON	P4	62	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ DUY TRUNG	P4	61	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
17	KHUONG VAN THAO	P4	55	1	5		76	KH-THAC	Vietnamese
18	NGO SY KHOA	P4	53	1	7		75	KH-THAC	Vietnamese
19	HA TAN DUNG	P4	57	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	BUI QUANG SON	P4	51	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐO MẠNH DUNG	P4	54	1	5		50	KH-THAC	Vietnamese
22	LÊ HỒNG TRUNG	P4	65	1	5		60	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	4	4	26	313	50	0		
2	P4	18	17	93	1.226	90	22		
TOTAL		22	21	119	1.539	140	22		
WEIGHT KG				119	1.539	140			

GRAND TOAL: 1.798 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: HSD - AMD - TGTH5	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
FLIGHT: 7	FROM: VT	CREW: HUNG - Khang - Năm	ETA: 11:30
VANG-2			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC THU	HSD	40-41	2	9		72	KH-THAC	Vietnamese
2	TRƯƠNG ĐỨC HÙNG	HSD	91	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ CHI CUƠNG	HSD	26-27	2	15		65	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN ĐÌNH SONG	HSD	42	1	4		55	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN THANH QUANG	AMD	01	1	8	34	76	TLJOC	Vietnamese
6	K LỘC	AMD	14	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN XUÂN THANH	AMD	13	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN SANH	AMD	08	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN MINH ĐỨC	AMD	02	1	6	100	74	KH-THAC	Vietnamese
10	THAI NGUYỄN HAI VI	AMD	07	1	8		82	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN ĐOÀN ĐUẬN	AMD	04	1	2		57	KH-THAC	Vietnamese
12	NGO QUANG HUÂN	AMD	15-16	2	11		69	KH-THAC	Vietnamese
13	PHAN THANH NGOÂN	AMD	19-20	2	12		88	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN LÊ HỒNG VŨ	AMD	11	1	6		56	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN XUÂN PHƯƠNG	AMD	12	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN ANH DŨNG	AMD	09	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
17	THAI BA HUNG (PVDT)	AMD	03	1	3		65	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN ANH DUY	AMD	21	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
19	HOANG ĐÌNH VINH	AMD	17-18	2	15		70	KH-THAC	Vietnamese
20	HỒ TRẦN PHƯƠNG ĐÔNG	AMD	05-06	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐÌNH HỮU TÍNH	AMD	10	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN CÔNG THANH	TGTH5	82-83	2	14		67	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

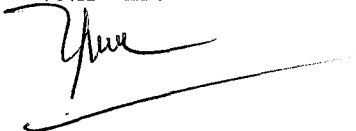
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	HSD	4	6	34	272	0	3		
2	AMD	17	21	127	1.168	134	17		
3	TGTH5	1	2	14	67	0	2		
TOTAL		22	29	175	1.507	134	22		
WEIGHT KG				175	1.507	134			

GRAND TOAL: 1.816 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: P7 - TTC3	AIRCRAFT: 427	ETD: 10:00
FLIGHT: 8	FROM: VT	CREW: Vận - CHIÊN - DTùng	ETA: 11:40
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	HOANG VIET HUNG	P7	73	1	5	16	71	PSV	Vietnamese
2	HOANG NGOC TUNG	P7	75	1	8	20	64	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYEN VAN CUONG	P7	82	1	4	100	75	KH-THAC	Vietnamese
4	TA VAN VIET	P7	64-65	2	15		75	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN TIEN HIỆP	P7	69	1	10		67	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYEN HUU HUNG	P7	68	1	7		65	KH-THAC	Vietnamese
7	TRAN VAN LOI	P7	66	1	2		65	KH-THAC	Vietnamese
8	BUI TRONG AN	P7	81	1	4		62	KH-THAC	Vietnamese
9	TRUONG VAN QUANG	P7	63	1	5		81	KH-THAC	Vietnamese
10	TRAN THIEN	P7	74	1	3		80	KH-THAC	Vietnamese
11	NGO QUANG THANG	P7	77	1	4		80	KH-THAC	Vietnamese
12	HO NGUYEN KHANH DUY	P7	71	1	5		53	KH-THAC	Vietnamese
13	CHU VAN DAT	P7					61	KH-THAC	Vietnamese
14	TRAN NGOC VAN	P7	67	1	10		62	KH-THAC	Vietnamese
15	LE XUAN TUNG	P7	80	1	7		64	ANTOAN	Vietnamese
16	DOAN MINH HUONG	P7	83	1	11		65	DVL	Vietnamese
17	NGUYEN VAN DUC	P7					70	PSV	Vietnamese
18	BUI DAC CANH	P7	72	1	5		62	PSV	Vietnamese
19	LE VIET KHANG	P7	61	1	2		69	PSV	Vietnamese
20	NGUYEN XUAN HANH	P7	70	1	12		71	PSV	Vietnamese
21	MAI VAN TOAN	P7	62	1	9		60	PSV	Vietnamese
22	DO XUAN HANH	P7	76	1	5		77	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P7	22	21	133	1.499	136	20		
2	TTC3	0	0	0	0	10	1		
TOTAL		22	21	133	1.499	146	21		
WEIGHT KG				133	1.499	146			

GRAND TOAL: 1.778 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 14/03/2019	TO: P3 - P6 - PPD	AIRCRAFT: 406	ETD: 11:50
FLIGHT: 9	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - PTUẤN	ETA: 13:30
CAM-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	LÊ HỒNG ĐẠI	P3	94	1	5	40	70	D-HANH	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN MẠNH	P3	95	1	9		74	D-HANH	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN CƯU	P3	97	1	5		68	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐỖ VĂN ĐẠM	P3	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN MINH HOÀI	P3	93	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
6	MAI VĂN BA	P3	98	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI SỸ CÔNG	P3	79-80	2	16		62	KH-THAC	Vietnamese
8	TRẦN QUỐC BÌNH	P3	81	1	4		84	KH-THAC	Vietnamese
9	TRẦN THIỆN THANH	P3	96	1	5		89	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN LÊ TUNG	P3	99,200	2	10		60	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG BA VỊNH	P3	77-78	2	7		62	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐINH QUỐC TRƯỞNG	P6	98	1	12	70	80	GETRACO	Vietnamese
13	LÊ KIM SANG	P6	96	1	4		66	GETRACO	Vietnamese
14	BUI VĂN QUỐC	P6	97	1	3		57	GETRACO	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC SƠN	P6	99	1	4		82	GETRACO	Vietnamese
16	LÊ TRỌNG ĐỨC	PPD	94-95	2	10		69	CODIEN	Vietnamese
17	VU QUANG TUAN	PPD	96	1	5		70	CODIEN	Vietnamese
18	ĐẶNG TRỌNG DŨNG	PPD	98	1	7		64	CODIEN	Vietnamese
19	ĐẠO DUY ĐIẾP	PPD	86-87	2	20		84	CODIEN	Vietnamese
20	LÊ BA TU	PPD	97	1	5		65	CODIEN	Vietnamese
21	PHAM VAN QUYEN	PPD	99,600	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	11	14	76	784	40	7		
2	P6	4	4	23	285	70	4		
3	PPD	6	9	52	424	0	11		
TOTAL		21	27	151	1,493	110	22		
WEIGHT KG				151	1,493	110			

GRAND TOAL: 1.754 KGS

VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: RP3 - TD5 - P4	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:55
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Phong - MTHAO - Trường	ETA: 13:35
NAU-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN HAI LÂM	RP3	68	1	10		65	KHOAN	Vietnamese
2	LE NGOC LUAN	RP3	69	1	7		65	KHOAN	Vietnamese
3	NGUYỄN HUU LUAN	RP3	74	1	10		70	KHOAN	Vietnamese
4	ĐOÀN VĂN KHUU	RP3	67	1	10		62	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN VĂN MẠNH	RP3	73	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
6	VŨ VĂN TOÀN	RP3	72	1	5		70	D-HANH	Vietnamese
7	HỒ NGỌC HUNG	RP3	75-76	2	7		76	KH-THAC	Vietnamese
8	CHERNHIADEV	RP3	71	1	5		70	NIPI	Russian
9	MISHIN	RP3	70	1	6		90	NIPI	Russian
10	NGUYỄN THÈ TRÀ	TD5	69-70	2	15		70	SCHLUMBE	Vietnamese
11	NGUYỄN THANH TÙNG	TD5	67	1	5		70	KHOAN	Vietnamese
12	LUÔNG HUNG TRIẾT	TD5	66	1	15		70	KHOAN	Vietnamese
13	DƯƠNG QUỐC VIỆT	TD5	68	1	10		60	KHOAN	Vietnamese
14	TRẦN TRỊNH QUỐC VƯƠNG	TD5	65	1	10		74	KHOAN	Vietnamese
15	NGUYỄN MẠNH CƯỜNG	TD5	60-61	2	17		70	DMC	Vietnamese
16	LE ANH SON	TD5	62-63	2	10		70	DMC	Vietnamese
17	NGUYỄN NGỌC TÂM	TD5	64	1	10		74	DMC	Vietnamese
18	NGUYỄN NGỌC TUYẾN	P4	75	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN HỒNG DƯƠNG	P4	77	1	7		67	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN ĐỨC NHÂN	P4	76	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN HONG HAI	P4	74	1	12		64	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN VĂN SOAI	P4	73	1	5		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARIRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	9	10	66	638	0	0		
2	TD5	8	11	92	558	0	5		
3	P4	5	5	34	346	0	17		
TOTAL		22	26	192	1.542	0	22		
WEIGHT KG				192	1.542	0			

GRAND TOAL: 1.734 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: RP2 - P1	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:00
FLIGHT: 11	FROM: VT	CREW: Khang - HUNG - Năm	ETA: 13:40
TRANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NG. HAI SANG	RP2	32	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
2	LUONG THE HIEN	RP2	37-38	2	10	30	67	NIPI	Vietnamese
3	ĐO CÔNG MINH	RP2	36	1	2		68	GETRACO	Vietnamese
4	TRAN VAN VIET B	RP2	30	1	4	130	68	GETRACO	Vietnamese
5	VU HOANG QUAN	RP2					65	GETRACO	Vietnamese
6	CAO DUY LUNG	RP2	31	1	6		55	GETRACO	Vietnamese
7	PHAN MANH LINH	RP2	29	1	2		66	GETRACO	Vietnamese
8	LÊ VĂN TỰ	P1	23	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
9	CAO ĐANG PHONG	P1	19	1	5		74	KH-THAC	Vietnamese
10	PHẠM ĐỨC BÓN	P1	20	1	5		55	KH-THAC	Vietnamese
11	BUI HUY NGHIỆP	P1					75	KH-THAC	Vietnamese
12	ĐẶNG ĐỨC TOANH	P1	24	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐÌNH HAI	P1	30	1	5		78	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN NÔNG	P1	29	1	4		68	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN TRỌNG YẾN	P1	25	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYỄN HỮU NGHĨA	P1	26	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN QUANG THO	P1					85	KH-THAC	Vietnamese
18	DƯƠNG DUY KHUÔNG	P1	27	1	10		72	KH-THAC	Vietnamese
19	ĐOÀN VĂN DƯ	P1	21-22	2	6		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN TUẤN VIỆT	P1	28	1	7		77	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN NAM HAI	P1	17-18	2	12	25	72	T-TIN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	7	7	37	449	160	6 + 1		CHUYEN 1 PAX RP2 SANG P1
2	P1	14	14	71	994	25	11		
TOTAL		21	21	108	1.443	185	17		
WEIGHT KG				108	1.443	185			

GRAND TOAL: 1.736 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: P3 - AMD	AIRCRAFT: 427	ETD: 12:10
FLIGHT: 12	FROM: VT	CREW: Vận - MTuấn - DTùng	ETA: 13:50
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRINH HOANG NGUYEN	P3	85	1	5	39	68	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY HOANG	P3	87	1	8	30	75	CODIEN	Vietnamese
3	DUONG HUU THUAN	P3	86	1	3		70	CODIEN	Vietnamese
4	TRAN ANH QUANG	P3	97	1	11		76	CODIEN	Vietnamese
5	NGUYEN QUOC QUAN	P3	35-36	2	19		81	CODIEN	Vietnamese
6	DO DUC ANH	P3	32,34	2	15		81	CODIEN	Vietnamese
7	NGUYEN ANH HUNG	P3	37	1	19		80	CODIEN	Vietnamese
8	NGUYEN VAN LAM	P3	33	1	9		76	CODIEN	Vietnamese
9	NGUYEN THANH DANH	P3	96	1	5		57	CODIEN	Vietnamese
10	SAVELEV	P3	84	1	3		116	NIP	Russian
11	PHAN VAN THINH	P3	93	1	5		76	NIP	Vietnamese
12	NGUYEN VAN LUONG	P3	94	1	3		61	GETRACO	Vietnamese
13	PHAM ANH TU	P3	95	1	5		73	GETRACO	Vietnamese
14	PHAM TUAN CHUNG	AMD	32	1	11	36	62	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HUU HA	AMD	33	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
16	NGUYEN TRUNG HIEU	AMD	35-36	2	12		76	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYEN TIEN HUNG	AMD	38	1	11		63	KH-THAC	Vietnamese
18	HOANG MINH TUAN	AMD	31	1	11		71	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYEN VAN QUAN	AMD	37	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYEN VAN HOANG	AMD	34	1	10		71	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P3	13	15	110	990	69	9		
2	AMD	7	8	67	483	36	10		
TOTAL		20	23	177	1.473	105	19		
WEIGHT KG				177	1.473	105			

GRAND TOAL: 1.755 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 14/03/2019	TO: P5 - BK5 - BK8	AIRCRAFT: 406	ETD: 14:00
FLIGHT: 13	FROM: VT	CREW: ĐTuấn - QViệt - PTUẤN	ETA: 15:40
VANG-4			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN VĂN KY	P5	63	1	10		70	YTE	Vietnamese
2	BUI VĂN BÁC	P5					77	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN QUANG PHÚC	P5	72	1	3		50	KH-THAC	Vietnamese
4	ĐO HOÀNG TRỌNG	P5	41	1	7		82	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỒNG VĂN THỊNH	P5	73	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN MẠCH	P5	40	1	5		70	KH-THAC	Vietnamese
7	LÊ ĐỨC THANH	P5	48	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN KHAI	P5	37	1	4		70	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TUẤN	P5	49-50	2	13		70	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ QUANG HÙNG	P5	46-47	2	14	74	75	KH-THAC	Vietnamese
11	VŨ TRUNG KIẾN	P5	34	1	14		80	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN TỊNH	P5	59	1	7		63	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH BAO CUÔNG	P5	74	1	12		65	KH-THAC	Vietnamese
14	PHẠM VĂN KHUÔNG	P5	60-61	2	10		70	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN NGỌC HÒA	P5	58-59	2	17		65	KH-THAC	Vietnamese
16	TU VĂN SƠN	P5	35-36	2	13		80	PSV	Vietnamese
17	ĐẠO VĂN THẮNG	P5	39	1	3		58	PSV	Vietnamese
18	ĐẠO XUÂN THANH	P5	71	1	5		65	PSV	Vietnamese
19	VƯƠNG ĐỨC HUY	P5	45	1	12		100	PSV	Vietnamese
20	ĐO XUÂN LONG	P5	68-70	3	18		75	KH-THAC	Vietnamese
21	DƯƠNG CÔNG DẠNG	P5	43-44	2	8		62	KH-THAC	Vietnamese
22	NGUYỄN QUỐC TUẤN	P5	42	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P5	22	29	192	1.562	74	13		
2	BK5	0	0	0	0	8	1		
3	BK8	0	0	0	0	0	2		
TOTAL		22	29	192	1.562	82	16		
WEIGHT KG				192	1.562	82			

GRAND TOAL: 1.836 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN